

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-STTTT ngày 29/ 12 / 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Đvt: triệu đồng

| Stt | Nội dung                                                      | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Chi tiết theo đơn vị sử dụng |           |           |           |                                               |           |           |           |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
|     |                                                               |                   |                    | Văn Phòng STTTT              |           |           |           | Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông |           |           |           |
|     |                                                               |                   |                    | Khoản 191                    | Khoản 314 | Khoản 341 | Khoản 428 | Khoản 085                                     | Khoản 191 | Khoản 314 | Khoản 428 |
| 1   | 2                                                             | 3                 | 4                  | 5                            | 6         | 7         | 8         | 9                                             | 10        | 11        | 12        |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                   | 380               | 380                | 190                          |           | 190       |           |                                               |           |           |           |
| 1   | Số thu phí, lệ phí, thu khác                                  | 380               | 380                | 190                          |           | 190       |           |                                               |           |           |           |
| 1.1 | Thu phí, lệ phí                                               | 380               | 380                | 190                          |           | 190       |           |                                               |           |           |           |
| 1.1 | Thu sự nghiệp khác                                            | 0                 | 0                  |                              |           |           |           |                                               |           |           |           |
| 2   | Chi từ nguồn thu phí được để lại                              | 342               | 342                | 171                          |           | 171       |           |                                               |           |           |           |
| 2.1 | Chi sự nghiệp                                                 | 0                 | 0                  |                              |           |           |           |                                               |           |           |           |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                              | 0                 | 0                  |                              |           |           |           |                                               |           |           |           |
|     | Trong đó: 40% (hoặc 35% đối với ngành y tế) để thực hiện CCTL | 0                 | 0                  |                              |           |           |           |                                               |           |           |           |
| b   | KP không thực hiện chế độ tự chủ                              | 0                 | 0                  |                              |           |           |           |                                               |           |           |           |
| 2.2 | Chi quản lý hành chính                                        | 342               | 342                | 171                          |           | 171       |           |                                               |           |           |           |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                              | 342               | 342                | 171                          |           | 171       |           |                                               |           |           |           |
|     | Trong đó: 40% (hoặc 35% đối với ngành y tế) để thực hiện CCTL | 136               | 136                | 68                           |           | 68        |           |                                               |           |           |           |
| b   | KP không thực hiện chế độ tự chủ                              | 0                 | 0                  |                              |           |           |           |                                               |           |           |           |
| 3   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                       | 38                | 38                 | 19                           |           | 19        |           |                                               |           |           |           |
| 3.1 | Lệ phí                                                        | 0                 | 0                  |                              |           |           |           |                                               |           |           |           |
| 3.2 | Phí                                                           | 38                | 38                 | 19                           |           | 19        |           |                                               |           |           |           |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                | 32.162            | 32.162             | 7.193                        | 4.833     | 4.409     | 300       | 825                                           | 90        | 14.412    | 100       |
| 1   | Chi quản lý hành chính (Loại 280 - khoản 314)                 | 4.409             | 4.409              | 0                            |           | 4.409     |           |                                               |           |           |           |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                              | 4.335             | 4.335              | 0                            |           | 4.335     |           |                                               |           |           |           |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |               |   |              |       |  |            |  |               |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|---|--------------|-------|--|------------|--|---------------|--|
|     | - Chi cho con người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3.365         | 3.365         |   |              | 3.365 |  |            |  |               |  |
|     | - Hoạt động thường xuyên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 930           | 930           |   |              | 930   |  |            |  |               |  |
|     | <i>Trong đó chưa trừ tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện CCTL</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 93            | 93            |   |              | 93    |  |            |  |               |  |
|     | - VBQPPL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 40            | 40            |   |              | 40    |  |            |  |               |  |
| b   | KP không thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 74            | 74            | 0 |              | 74    |  |            |  |               |  |
|     | <i>Kinh phí xử phạt VPHC</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 30            | 30            |   |              | 30    |  |            |  |               |  |
|     | <i>Trang phục thanh tra</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 20            | 20            |   |              | 20    |  |            |  |               |  |
|     | <i>Hỗ trợ cán bộ kiểm soát TTHC</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 16            | 16            |   |              | 16    |  |            |  |               |  |
|     | <i>Kinh phí tiếp công dân</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8             | 8             |   |              | 8     |  |            |  |               |  |
| 2   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - Khoản 085)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>825</b>    | <b>825</b>    |   |              |       |  | 825        |  |               |  |
| a   | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>0</b>      | <b>0</b>      |   |              |       |  |            |  |               |  |
| b   | <b>KP nhiệm vụ không TX</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>825</b>    | <b>825</b>    |   |              |       |  | <b>825</b> |  |               |  |
|     | <i>Lớp đảm bảo An toàn thông tin, an toàn dữ liệu tại cơ quan; Tập huấn thông tin cho Đoàn thể chính trị - xã hội về chính phủ số, kinh tế số, công dân điện tử,...; Kỹ năng viết tin, bài, biên tập tin cho biên tập các trang thông tin các sở, ngành và địa phương; Lớp đảm bảo cơ bản về An toàn thông tin của người dùng, khai thác và sử dụng dịch vụ công trực tuyến</i> | <b>825</b>    | <b>825</b>    |   |              |       |  | 825        |  |               |  |
| 2   | <b>Chi hoạt động kinh tế (Loại 280 - Khoản 314)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>19.245</b> | <b>19.245</b> |   | 4.833        |       |  |            |  | 14.412        |  |
| a   | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>3.101</b>  | <b>3.101</b>  |   |              |       |  |            |  | 3.101         |  |
|     | - Chi cho con người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>3.101</b>  | <b>3.101</b>  |   |              |       |  |            |  | <b>3.101</b>  |  |
|     | + Chi từ ngân sách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>2.358</b>  | <b>2.358</b>  |   |              |       |  |            |  | 2.358         |  |
|     | - Hoạt động TX                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>743</b>    | <b>743</b>    |   |              |       |  |            |  | 743           |  |
|     | + Trong đó chưa trừ tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>90</b>     | <b>90</b>     |   |              |       |  |            |  | 90            |  |
| b   | <b>KP nhiệm vụ không TX</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>16.144</b> | <b>16.144</b> |   | <b>4.833</b> |       |  |            |  | <b>11.311</b> |  |
| b.1 | <b>Kinh phí chương trình ứng dụng CNTT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>15.914</b> | <b>15.914</b> |   | <b>4.603</b> |       |  |            |  | <b>11.311</b> |  |

|  |                                                                                                                                                                                                   |               |               |  |  |  |  |  |  |               |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|--|--|--|--|--|--|---------------|--|
|  | <b>Hoạt động Cổng TTĐT tỉnh; Trung tâm dữ liệu; hệ thống email; Triển khai chữ ký số; Triển khai An toàn ANTT; các ứng dụng khác...</b>                                                           | <b>11.311</b> | <b>11.311</b> |  |  |  |  |  |  | <b>11.311</b> |  |
|  | - Hoạt động cổng TTĐT của tỉnh                                                                                                                                                                    | 944           | 944           |  |  |  |  |  |  | 944           |  |
|  | - KP hoạt động phòng máy chủ                                                                                                                                                                      | 301           | 301           |  |  |  |  |  |  | 301           |  |
|  | - Hệ thống phòng họp trực tuyến                                                                                                                                                                   | 90            | 90            |  |  |  |  |  |  | 90            |  |
|  | - Hoạt động trung tâm dữ liệu của tỉnh                                                                                                                                                            | 2.010         | 2.010         |  |  |  |  |  |  | 2.010         |  |
|  | - Thuê dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II, kết nối trung tâm dữ liệu tỉnh, Sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, xã                                                                  | 6.000         | 6.000         |  |  |  |  |  |  | 6.000         |  |
|  | - Thực hiện theo chủ trương, Đề án 06: Firewall, Swicth; Duy trì các phần mềm hệ điều hành (2324/STC-NS kinh phí thực hiện ĐA 06/CP trên địa bàn tỉnh hàng năm)                                   | 686           | 686           |  |  |  |  |  |  | 686           |  |
|  | - Gia hạn chứng chỉ số SSL bảo mật, mail điện tử                                                                                                                                                  | 50            | 50            |  |  |  |  |  |  | 50            |  |
|  | - Triển khai ứng dụng chữ ký số                                                                                                                                                                   | 30            | 30            |  |  |  |  |  |  | 30            |  |
|  | - Triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch về ATANTT                                                                                                                                                     | 900           | 900           |  |  |  |  |  |  | 900           |  |
|  | - Thuê dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật vận hành cổng thông tin điện tử tỉnh, cổng thông tin điện tử thành phần. Cập nhật bản vá, hỗ trợ những trường hợp lỗi phát sinh do phần mềm cổng thông tin gây ra. | 100           | 100           |  |  |  |  |  |  | 100           |  |
|  | - Thuê dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật vận hành hệ thống thư điện tử tỉnh. Cập nhật bản vá, hỗ trợ những trường hợp lỗi phát sinh do phần mềm thư điện tử trong quá trình vận hành.                       | 100           | 100           |  |  |  |  |  |  | 100           |  |
|  | -Đào tạo tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT cho các cơ quan đơn vị trong tỉnh.                                                                                     | 100           | 100           |  |  |  |  |  |  | 100           |  |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |              |              |              |  |  |  |           |  |  |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--|--|--|-----------|--|--|
|            | <i>Thuê dịch vụ phần mềm quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>2.800</b> | <b>2.800</b> |              | <b>2.800</b> |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Hỗ trợ cho Ban biên tập và nhuận bút tin bài các website Sở Thông tin và Truyền thông (CV số 1705/VPUBND-KGVX ngày 26/10/2017)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>50</b>    | <b>50</b>    |              | <b>50</b>    |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Chi đặc thù về đào tạo, tập huấn, hội nghị...liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin: Tập huấn tin học và internet cho người dùng tin học, CNTT: HTX, nông dân sản xuất giỏi, CBCCVC Hội nông dân,...Kinh phí khảo sát, kiểm tra, đánh giá; Hội nghị, Hội thảo; Tham dự tập huấn, đào tạo cán bộ công chức về nâng cao kỹ năng, kiến thức công nghệ thông tin và truyền thông trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh,...</i> | <b>150</b>   | <b>150</b>   |              | <b>150</b>   |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Chi chi hội thi tin học trẻ v.v.. (Hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội thi tin học trẻ tỉnh An Giang)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>50</b>    | <b>50</b>    |              | <b>50</b>    |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Triển khai Đề án "An Giang điện tử"</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>433</b>   | <b>433</b>   |              | <b>433</b>   |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Tổ chức sự kiện hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia (10/10)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>100</b>   | <b>100</b>   |              | <b>100</b>   |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Thực hiện kiểm tra, đánh giá về CNTT cơ sở</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>20</b>    | <b>20</b>    |              | <b>20</b>    |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>1.000</b> | <b>1.000</b> |              | <b>1.000</b> |  |  |  |           |  |  |
| <b>b.2</b> | <b>Kinh phí truyền thông và phối hợp với cơ quan truyền thông</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>230</b>   | <b>230</b>   |              | <b>230</b>   |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Chuyên mục truyền hình CNTT &amp; TT</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>180</b>   | <b>180</b>   |              | <b>180</b>   |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>KP tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai các văn bản ngành TTTT...</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>50</b>    | <b>50</b>    |              | <b>50</b>    |  |  |  |           |  |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình (Loại 190 - Khoản 191)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>7.283</b> | <b>7.283</b> | <b>7.193</b> |              |  |  |  | <b>90</b> |  |  |
|            | KP nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>7.283</b> | <b>7.283</b> | 7.193        |              |  |  |  | 90        |  |  |
|            | <i>Kiểm tra, đánh giá, khen thưởng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>25</b>    | <b>25</b>    | <b>25</b>    |              |  |  |  |           |  |  |
|            | <i>Đào tạo, tập huấn về phát thanh</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>90</b>    | <b>90</b>    |              |              |  |  |  | <b>90</b> |  |  |

|   |                                                                                                    |       |       |         |  |  |     |         |  |  |     |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|---------|--|--|-----|---------|--|--|-----|
|   | Hội chợ triển lãm sách                                                                             | 10    | 10    | 10      |  |  |     |         |  |  |     |
|   | Hợp mặt Báo chí xuân                                                                               | 200   | 200   | 200     |  |  |     |         |  |  |     |
|   | Hợp mặt báo chí 21/06                                                                              | 150   | 150   | 150     |  |  |     |         |  |  |     |
|   | Giải pháp cải thiện chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)                             | 35    | 35    | 35      |  |  |     |         |  |  |     |
|   | Tham dự Hội nghị lĩnh vực thông tin báo chí xuất bản                                               | 50    | 50    | 50      |  |  |     |         |  |  |     |
|   | Mua báo xuân                                                                                       | 110   | 110   | 110     |  |  |     |         |  |  |     |
|   | Tập huấn nâng cao nghiệp vụ báo chí cho đội ngũ nhà báo, phóng viên của cơ quan báo chí trong tỉnh | 80    | 80    | 80      |  |  |     |         |  |  |     |
|   | Nhiệm vụ đặt hàng ATV                                                                              | 6.533 | 6.533 | 6.533   |  |  |     |         |  |  |     |
| 4 | Chi sự nghiệp tài chính và khác ( Loại 400 - Khoản 428)                                            | 400   | 400   |         |  |  | 300 |         |  |  | 100 |
|   | Hoạt động thông tin đối ngoại                                                                      | 300   | 300   |         |  |  | 200 |         |  |  | 100 |
|   | Thông tin đối ngoại biên giới                                                                      | 100   | 100   |         |  |  | 100 |         |  |  |     |
|   | Mã số đơn vị sử dụng NSNN                                                                          |       |       | 1034150 |  |  |     | 1034985 |  |  |     |
|   | Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch                                                               |       |       | 0761    |  |  |     |         |  |  |     |